TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI,TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 5- 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Phạm Thị Hà
Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Mộng N, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp TLA, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trương Minh T, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp BS, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn chị Nguyễn Mộng N trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Mộng N và anh Trương Minh T tự nguyện chung sống vào năm 2004, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn giữa anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không được, anh chị đã ly thân 12 năm nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn anh T.

- Về con chung: Có một người con chung tên Trương Gia K, sinh ngày 06/02/2005 hiện nay đang do chị N nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại:không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay đang đi làm nên chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

* *Đối với bị đơn anh Trương Minh T:* Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T theo quy định pháp luật nhưng anh T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị N có yêu cầu xét xử vắng mặt; nah T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N và anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Chị N có yêu cầu ly hôn, anh T không có ý kiến. Tuy Nên, Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình của Quốc hội quy định *"Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi ...nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng..."*. Do đó, khi xác lập mối quan hệ hôn nhân anh chị không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Cháu Trương Gia K hiện nay đang do chị N nuôi dưỡng đã ổn định và phát triển bình thường, anh T không có ý kiến phản đối yêu cầu nuôi con của chị N. Mặc khác, xét thấy tại *"Văn bản ghi ý kiến"* ngày 22/4/2019 cháu K có nguyện vọng xin được ở với mẹ là chị Nguyễn Mộng N là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N giao cháu Gia K cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng chị N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Chị N xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểmb, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 53, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Mộng N và anh Trương Minh T là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Trương Gia K (nam), sinh ngày 06/02/2005 cho chị Nguyễn Mộng N tiếp tục Tng nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Anh Trương Minh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Mộng N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0009171 ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Nguyễn Mộng N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Biện Thị Nhung

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;